

NGHỊ QUYẾT

**Về việc quy định mức thu học phí giáo dục mầm non
và phổ thông công lập đối với các chương trình giáo dục
đại trà năm học 2017 - 2018 trên địa bàn tỉnh An Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021;

Xét Tờ trình số 313/TTr-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu học phí giáo dục mầm non và phổ thông công lập đối với các chương trình giáo dục đại trà năm học 2017 - 2018 trên địa bàn tỉnh An Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban văn hóa - xã hội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu học phí giáo dục mầm non và phổ thông công lập đối với các chương trình giáo dục đại trà năm học 2017 - 2018 trên địa bàn tỉnh, như sau:

1. Mức thu:

Đơn vị tính: đồng/học sinh/tháng

Số TT	Vùng (địa bàn)	Nhà trẻ	Mẫu giáo bán trú	Mẫu giáo 3, 4 tuổi	Mẫu giáo 5 tuổi	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông
1	Các phường thuộc thành phố, thị xã trong tỉnh (thành thị)	120.000	180.000	120.000	60.000	60.000	75.000
2	Các xã thuộc thành phố, thị xã và thị trấn thuộc huyện trong tỉnh (thành thị)	75.000	135.000	65.000	60.000	60.000	60.000
3	Vùng đồng bằng khác (nông thôn)	40.000	75.000	45.000	0	30.000	30.000
4	Vùng kinh tế xã hội khó khăn (miền núi)	15.000	40.000	20.000	0	20.000	20.000

2. Các cơ sở giáo dục thường xuyên áp dụng mức học phí tương đương với mức học phí của các trường phổ thông công lập cùng cấp học trên địa bàn tỉnh.

3. Các quy định về không thu học phí, miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập.

a) Thực hiện theo Điều 6, 7, 8, 9, 10, 11 Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ và Điều 4, 5, 6, 7, 9 Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

b) Không phải đóng học phí đối với phổ cập mẫu giáo 5 tuổi ở vùng nông thôn và vùng kinh tế - xã hội khó khăn.

c) Miễn thu học phí đối với học sinh là người dân tộc Khmer và Chăm trên địa bàn tỉnh.

4. Việc tổ chức thu, quản lý và sử dụng học phí thực hiện theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ và Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định thực hiện Điều 1 Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang khóa IX, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2017, có hiệu lực từ ngày 24 tháng 7 năm 2017 và thay thế Nghị quyết số 30/2016/NQ-HĐND ngày 03 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu học phí giáo dục mầm non và phổ thông công lập đối với các chương trình giáo dục đại trà năm học 2016 - 2017 trên địa bàn tỉnh An Giang./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Vụ Công tác Quốc hội, Địa phương và Đoàn thể - VPCP;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- TT.TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các vị ĐBQH tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cơ quan thường trú TTXVNAG, Báo Nhân dân tại AG; Truyền hình Quốc hội tại Kiên Giang; Báo An Giang, Đài Phát thanh - Truyền hình An Giang;
- Website tỉnh, Trung tâm công báo tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Tổng hợp-Nh.

